| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN A**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2019/HSST
Ngày 04/4/2019

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Việt Quốc*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Thanh Hùng;

Ông Lê Văn Phu.

***Thư ký phiên toà***: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Ông Hồ Nguyễn Thiết Bảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2019, tại Trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; Tòa án nhân dân huyện A đưa ra xét xử sơ thẩm lưu động vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/HSST ngày 22/02/2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành L, sinh năm 1986, tại A, An Giang; nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện Aú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; Cha: Nguyễn Văn T, sinh năm: 1942; Mẹ: Lê Thị T (chết); anh chị em có 06 người, bị cáo là người nhỏ nhất.

- Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**Những người tham gia phiên tòa:**

*Bị hại:*

Ông Võ Văn N, sinh năm: 1984; Nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; (có mặt)

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1968; (vắng mặt)

Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 1981. (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông Phạm  Trần Công M, sinh năm: 1974. (vắng mặt)

Cư trú: Khóm A, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Ông Lê Thiện H, sinh năm: 1983. (vắng mặt)

Cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

*Người làm chứng*:

Bà Lâm Thị Xuân L, sinh năm: 1981. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bị cáo Nguyễn Thành L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 13 giờ 30 ngày 18/8/2018, Nguyễn Thành L đến nhà ông Võ Văn Nn để mượn tiền thì thấy ông N đang ngủ, xe mô tô BKS 67L6-5087 dựng trước nhà không ai trông coi nên nảy sinh ý định lấy trộm. L lẻn vào nhà lấy chìa khóa xe trên bàn gần đó rồi điều khiển xe chạy đến thị trấn L vào quán cá phê ngủ qua đêm. Ông N phát hiện xe bị mất nên đi tìm và đến Công an trình báo sự việc.

Khoảng 08 giờ ngày 19/8/2018, L mang xe mô tô BKS 67L6-5087 đến dịch vụ cầm đồ K tại thị trấn A thế chấp cho ông Nguyễn Văn Đ lấy 5.000.000 đồng rồi tiêu xài. Hết thời hạn thế chấp nhưng L không đến nhận lại xe nên ông Đ bán xe này cho ông Nguyễn Ngọc N. Tiếp đó ông Nguyễn Ngọc N bán xe lại cho ông Phạm Trần Công M. Đến ngày 23/11/2018, ông N phát hiện ông M điều khiển xe mô tô BKS 67L6-5087 nên trình báo đến Công an phường C, thành phố C để tạm giữ xe và mời ông M làm việc. Sau đó Công an phường C thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A phối hợp điều tra.

Sau khi xác minh, Công an huyện A tiến hành mời L về trụ sở làm việc. Qua làm việc, L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ các Kết luận về việc định giá tài sản số 59/KL-ĐGTTHS ngày 03/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định:

Xe mô tô BKS 67L6-5087, hiệu SUZUKI, số loại VIVA FD110, màu sơn xanh, số khung 4AB050156553, số máy E438VN156553, đã qua sử dụng. Giá trị định giá 12.000.000 đồng.

Ngày 07/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A khởi tố vụ án khởi tố Nguyễn Thành L và ra lệnh bắt Nguyễn Thành L để tạm giam. Ngày 13/12/2018, Nguyễn Thành L bị tạm giam.

Tại bản Cáo trạng số 08/VKS-HS ngày 21/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Nguyễn Thành L về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo L đã khai nhận: Thừa nhận hành vi lấy trộm xe mô tô BKS 67L6-5087 tại nhà ông N vào ngày 18/8/2018. Ngày 19/8/2018 bị cáo cầm xe này cho tiệm cầm đồ K tại thị trấn A với giá 5.000.000 đồng. Bị cáo dùng số tiền này để sử dụng ma túy và tiêu xài cá nhân. Bị cáo đồng ý bồi thường 5.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn Đ.

Ông Võ Văn N trình bày: Ông và bị cáo là bạn bè. Trưa ngày 18/8/2018, sau khi đi làm về, ông để xe BKS 67L6-5087 trong sân nhà của mình, ông đóng cửa rào, rút chìa khóa xe để trên bàn cách xe khoảng 03 m, sau đó ông ngủ. Khoảng 13 giờ cùng ngày ông thức dậy thì phát hiện mất xe nên trình báo Công an xã Đ. Đến ngày 23/11/2018, khi ông đang đi ở thành phố C thì phát hiện xe mô tô của ông do một người đàn ông điều khiển nên ông báo Công an phường C. Sau khi điều tra thì xác định người lấy xe của ông là bị cáo L. Ngày 26/12/2018 ông đã nhận lại xe. Ông không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L với mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*".

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: Người bị hại ông Võ Văn N có mặt; những người tham gia tố tụng còn lại đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Xét, những người tham gia tố tụng vắng mặt đều đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người liên quan và những người làm chứng, cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Từ những lời khai và chứng cứ nêu trên đủ cơ sở xác định: Bị cáo Nguyễn Thành L có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô BKS 67L6-5087 của ông Võ Văn N trị giá 12.000.000 đồng nên bị cáo L đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét về tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Bị cáo L là người khỏe mạnh bình thường, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ sức lao động để nuôi sống bản thân và gia đình đủ sức làm thuê kiếm sống nhưng vì muốn có tiền mà không phải lao động vất vả, ngoài ra bản thân bị cáo là người nghiện ma túy nên bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản để sử dụng ma túy và tiêu xài cá nhân, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của ông N được pháp luật hình sự bảo vệ.

Pháp luật hình sự của Nhà nước ta nghiêm cấm bất kỳ ai, ở cương vị nào nếu chiếm đoạt tài sản của tổ chức hoặc cá nhân người khác trái pháp luật thì đều bị xử theo quy định.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C khởi tố về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" vào ngày 24/12/2018. Xét thấy, cần phải có một hình phạt tương xứng cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có đủ thời gian suy nghĩ về việc làm của mình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tuy nhiên cũng có xem xét cho bị cáo ở hành vi thật thà khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại ông Võ Văn N đã nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt nhưng tại Cơ quan điều tra có yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.000.000 đồng mà bị cáo đã nhận khi cầm xe, bị cáo đồng ý bồi thường số tiền này cho ông Đ. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vật chứng gồm: Xe mô tô BKS 67L6-5087, hiệu SUZUKI, số loại VIVA FD110, màu sơn xanh. Ngày 26/12/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã trả xe này cho ông N nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Lẽ ra, bị cáo còn có thể bị phạt tiền nhưng xét bị cáo hiện đang có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017);*

*Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự; Các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự;*

*Căn cứ Điều 135, Điều 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;*

*Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

*Về hình phạt*: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bắt tạm giam 13/12/2018.

*Về trách nhiệm dân sự*: Buộc bị cáo Nguyễn Thành L bồi thường cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

*Về án phí*: Buộc bị cáo Nguyễn Thành L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với án phí) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền bồi thường) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, ông N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Nhà tạm giữ;
- H/s N.Vụ CA
- Bị cáo;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Mai Việt Quốc**